

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN kv 6 -VL

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. ông Nguyễn Văn Bút.

2. Ông Đoàn Văn Em.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 400/2024/TLST- DS, ngày 31 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:- Bà Ngô Thị Thanh T, sinh năm 1962; ông Phan Thành N, sinh năm: 1984 và bà Trần Thị Kim T1, sinh năm: 1970; cùng địa chỉ: ấp TĐ, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh BT (nay là ấp TĐ, xã CL, tỉnh VL).

- Ông Trần Văn H, sinh năm: 1944 và bà Phan Thị N1, sinh năm: 1948; cùng địa chỉ: ấp BAB, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh BT (nay là ấp BAB, xã CL, tỉnh VL).

- Bà Đặng Kiều T, sinh năm: 1979 và ông Bùi Duy T, sinh năm: 1969; cùng địa chỉ: số 10 MP1B, khu phố MP1, phường TP, q7, thành phố HCM.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: bà Nguyễn Thụy Hồng T, sinh năm: 1991; địa chỉ: ấp KHĐ, thị trấn TT1, huyện CT, tỉnh BT (nay là xã TT1, tỉnh VL).

Bị đơn:- Ông Trần Văn C, sinh năm 1951 và bà Phạm Thị A, sinh năm: 1956; cùng địa chỉ: 278/19 ấp TĐ, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh BT (nay là ấp TĐ, xã CL, tỉnh VL).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Trần Minh H, sinh năm: 1969; địa chỉ: 294/3A, kp3, p 4, thành phố BT, tỉnh BT (nay là kp10, p AH, tỉnh VL).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Minh H là ông Lê Văn H - Luật sư thuộc đoàn luật sư tỉnh VL.

Tất cả có mặt tại phiên tòa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Trần Văn C và bà Phạm Thị A đồng ý có nghĩa vụ mở cho các nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh T, bà Trần Thị Kim T1, ông Phan Thành N, bà Đặng Kiều T2 và ông Bùi Duy T3, ông Trần Văn H và bà Phan Thị N1 đặt cống thoát nước có tổng chiều dài giáp thửa 321, 323 là 38m và tổng chiều dài giáp phần còn lại của ông C là 38,12m, chiều rộng là 0,50m, diện tích 18,4m² trên phần đất thuộc một phần thửa 67, tờ bản đồ 22, tọa lạc ấp TĐ, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh BT (nay là xã CL, tỉnh VL) do ông Trần Văn C và bà Phạm Thị A đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tứ cận:

Đông giáp thửa 67-2 còn lại của ông Trần Văn C;

Tây giáp thửa 321, 323;

Nam giáp thửa 332;

Bắc giáp rạch. Có họa đồ kèm theo.

Vị trí đặt hố ga tại điểm số 03, được dịch chuyển lên xuống 0,5m, nhưng phải đảm bảo bề rộng không vượt 0,5m.

Bị đơn đồng ý tạo điều kiện cho các nguyên đơn triển khai thi công cống thoát nước và khi đường ống hư hỏng hoặc bảo dưỡng.

Ghi nhận việc bị đơn không yêu cầu các nguyên đơn: bà Ngô Thị Thanh T, bà Trần Thị Kim T1, ông Phan Thành N, bà Đặng Kiều T2 và ông Bùi Duy T3, ông Trần Văn H và bà Phan Thị N1 phải liên đới bồi thường cho ông Trần Văn C và bà Phạm Thị A đối với phần diện tích đất đặt cống thoát nước.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Trần Thị Kim T, ông Phan Thành N mỗi người đồng ý chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đồng; bà Đặng Kiều T2 và ông Bùi Duy T3 đồng ý liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền mà các ông, bà đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0008819, 0008818, 0008817, ngày 26/12/2024 tại cơ quan thi hành dân sự huyện cl (nay là Thi hành án dân sự KV6-VL), như vậy các ông bà đã nộp đủ.

Riêng đối với bà Ngô Thị Thanh T, ông Trần Văn H và bà Phan Thị N1 là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo qui định tại Điều 12 Nghị quyết 326.

4. Chi phí tố tụng: Chi phí cho việc đo đạc, định giá và thu thập chứng cứ là 5.317.000đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu, đồng thời nguyên đơn đã nộp đủ.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV 6-VL;
- Phòng GĐKT-TTr&THA TAND tỉnh VL;
- THADS tỉnh VL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Hằng

